

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2877 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 26 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Nhà máy điện gió Hoà Thắng 2.2 – công suất 20MW tại xã Hoà Thắng,
huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Hoà Thắng 2.2 tại xã Hoà
Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận họp ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại
Ủy ban nhân dân xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà
máy điện gió Hoà Thắng 2.2 tại xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình
Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công
văn số 39/2021/WINENERGY-CV ngày 19 tháng 9 năm 2021 của Công ty Cổ
phần Win Energy;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 407/TTr-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Hòa Thắng 2.2 (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Win Energy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Bắc Bình;
- UBND xã Hòa Thắng;
- Công ty Cổ phần Win Energy;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 2877 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Nhà máy điện gió Hòa Thắng 2.2 – công suất 20MW.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Win Energy.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà Toserco, số 273, phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện: Ông HE XINWEN Chức vụ: Tổng Giám Đốc.
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà Toserco, số 273, phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3726 5888.
- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy phát điện độc lập sử dụng năng lượng gió để phát điện, hòa vào điện lưới quốc gia với công suất của dự án là 20MW.
- Phạm vi và quy mô dự án:
 - + Quy mô dự án: Dự án có quy mô công suất khoảng 20 MW với 06 tuabin; xây mới trạm biến áp nâng áp 35/110 kV, công suất 25 MVA; tuyến đường dây 110kV, chiều dài 6,765 km, dây nhôm lõi thép phân pha 2xACKII-240/39, đấu nối trạm biến áp 35/110kV chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lương Sơn - Hòa Thắng - Mũi Né mạch 2 giữa khoảng trụ T45 và T46.
 - + Tổng diện tích đất dự án là 9,57 ha.
- Công nghệ vận hành: Dự án sử dụng năng lượng gió để phát điện. Năng lượng gió được mô tả như một quá trình, nó được sử dụng để phát ra năng lượng cơ hoặc điện. Tuabin gió sẽ chuyển đổi từ động lực của gió thành năng lượng cơ. Năng lượng cơ này sử dụng cho một máy phát có thể chuyển đổi từ năng lượng cơ thành năng lượng điện.
- Công trình chính của dự án: 06 Tuabin gió, trạm biến áp, đường dây 110kV,... và các công trình phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: Gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, bụi, khí thải, ... phát sinh từ hoạt động xây dựng và vận hành từ hoạt động dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng là 11,25 m³/ngày (24 giờ); lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành là 5,25 m³/ngày với các thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, vi sinh vật gây bệnh,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ giai đoạn xây dựng phát sinh do hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc thiết bị, thi công các công trình có lưu lượng, nồng độ phát sinh không đáng kể. Trong giai đoạn vận hành dự án đi vào vận hành sử dụng năng lượng gió để phát điện nên không phát sinh khí thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng chất thải xây dựng phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 100 kg/ngày (24 giờ) với các thành phần chủ yếu là gạch vỡ vụn, sắt thép, bao xi măng, dây đai,...

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình vận hành: Chất thải do quá trình bảo dưỡng nhà máy khoảng 25 kg/tháng, thành phần chủ yếu là sứ cách điện bị nứt, vỡ, các gioăng bị giãn, các thiết bị máy móc hư hỏng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 20 kg/tháng với các thành phần chủ yếu là dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,...

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 07 kg/tháng với các thành phần chủ yếu là hộp mực in thải có các thành phần nguy hại, bộ lọc bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu thải do quá trình bảo trì máy móc và thiết bị,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 50,0 kg/ngày và trong giai đoạn vận hành khoảng 15 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt chứa các thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ, ... phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, làm việc tại dự án.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Dự án không có công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Trong giai đoạn xây dựng, Chủ dự án bố trí 04 nhà vệ sinh di động để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

- Trong giai đoạn vận hành, nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý bằng 02 bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp được đưa về bể thu gom dầu mỡ trước khi về bể tự hoại.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành chủ yếu như sau:

- Chủ dự án và nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường về khí thải, bụi từ quá trình đào, đắp, san lấp mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện thi công trong quá trình xây dựng như: Có kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trước khi thi công xây dựng; các thiết bị, máy móc, phương tiện thi công phải được kiểm soát, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về khí thải, bụi theo quy định; đảm bảo về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; phun nước giảm thiểu bụi với tần suất phun 3 lần/ngày; sử dụng gỗ ván hoặc tôn, lưới che chắn xung quanh công trường xây dựng,...

- Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện giải pháp giảm thiểu môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường kết hợp trồng cây xanh trong dự án,...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu như sau:

- Trong giai đoạn xây dựng: Chất thải rắn xây dựng được tiến hành thu gom, phân loại về khu tập kết rác thải để lưu chứa; chất thải rắn tái sử dụng được thì bán cho các cơ sở thu mua phế liệu và các loại xà bần, vữa xi măng được tận dụng để làm san lấp mặt bằng trong phạm vi dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng tua bin gió, trạm biến áp, đường dây hoặc khi gặp sự cố (sứ cách điện, dây dẫn, thanh thép cột, các phụ kiện hư hỏng...) cũng được thu

gom, lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đề tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chủ dự án bố trí các thùng rác để thu gom, lưu chứa rác thải sinh hoạt và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung như: Thực hiện đồng thời với các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành như nêu trên; thường xuyên bảo dưỡng máy móc và có biện pháp quản lý an toàn và xử lý kịp thời; bố trí khu vực văn phòng làm việc cách xa với các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung; trồng cây xanh xung quanh khu vực và có khoảng cách ly an toàn đối với các nguồn gây ồn; trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo quy định,...

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống tuabin gió, trạm biến áp và tuyến đường dây, kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố sụt lún, ngăn ngừa sự cố gãy trụ, đứt dây và phóng điện xảy ra.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường

thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Bể tự hoại, nhà chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1 Giai đoạn xây dựng:

a) Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b) Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí quan trắc:

+ 01 điểm trong khu vực xây dựng nhà điều hành của Nhà máy cách khu vực thi công 50m theo hướng gió.

+ 01 điểm trên trục đường phục vụ thi công.

- Thông số quan trắc: Bụi tổng cộng, SO₂, NO_x, CO, vi khí hậu, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

c) Giám sát khác:

- Kiểm tra chất lượng môi trường, điều kiện làm việc tại công trường; tính đầy đủ, an toàn của các trang thiết bị bảo hộ lao động,... Tần suất giám sát thường xuyên trong quá trình xây dựng.

- Quản lý, theo dõi, tình hình thu gom, ký hợp đồng vận chuyển, xử lý nước thải sinh hoạt công nhân. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm:

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

a) Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b) Giám sát điện từ trường:

- Vị trí quan trắc:

+ 1 vị trí dưới tuyến đường dây 110kV đấu nối từ trạm biến áp của dự án đến đường dây 110kV Lương Sơn - Hòa Thắng - Mũi Né.

+ 1 vị trí trong khu vực trạm biến áp Nhà máy Điện gió Hòa Thắng 2.2.

- Thông số quan trắc: Cường độ điện từ trường.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện 03 tháng/lần.

- QCVN 25: 2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp – Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

c) Giám sát khác:

- Giám sát việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng quy định với tần suất thường xuyên.

- Giám sát sức khỏe định kỳ hàng năm cho công nhân viên vận hành Nhà máy với tần suất 6 tháng/lần.

- Giám sát dầu máy biến áp thải ra trong quá trình thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng MBA, tần suất thực hiện vào thời điểm sửa chữa hoặc thay thế.

- Thường xuyên theo dõi công tác vận hành, bảo trì hệ thống thiết bị của tuabin gió, trạm biến áp, đường dây đấu nối, hành lang an toàn lưới điện.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Trong quá trình xây dựng hoạt động, Chủ dự án phải thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kiểm soát khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi đã được cấp có thẩm quyền giao đất theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của khu vực Dự án và khu vực tiếp giáp theo đúng quy định của pháp luật./.